

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

**BẢN TIN TUẦN**  
**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC**  
**PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**  
**TRÊN LƯU VỰC SÔNG BÉ (VÙNG ĐÔNG NAM BỘ) NĂM 2019**  
(Tuần từ ngày 15 tháng 11 năm 2019 đến ngày 21 tháng 11 năm 2019)

**I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC**

**1. Lượng mưa**

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)					Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	
Đồng Xoài	134,2	3.529,7	+ 46,9	+ 50,5	+ 38,7	+ 61,2	+ 124,6	52,6
Bình Long	63,6	1.751,0	- 11,2	+ 18,6	- 30,9	- 23,4	+ 6,5	40,2
Bù Đăng	110,6	2.858,8	+ 12,6	- 7,7	- 6,4	+ 16,6	+ 21,1	41,3
Bù Đốp	89,6	1.970,4	- 20,4	+ 49,7	+ 16,5	+ 7,4	+ 29,7	24,5
Lộc Ninh	74,6	2.011,0	+ 2,7	+ 2,0	- 42,5	+ 25,1	+ 60,9	26,1
Phước Hòa	45,7	1.661,7	- 11,9	+ 21,7	- 24,7	- 13,2	+ 4,0	46,1
Phước Long	96,5	2.714,9	+ 4,9	+ 4,5	- 13,4	+ 27,0	+ 60,0	43,6
Trị An	33,8	2.012,5	+ 2,6	+ 28,9	+ 13,0	+ 5,3	+ 41,8	46,3
<b>Trung bình</b>	<b>81,1</b>	<b>2.313,8</b>	<b>+ 3,3</b>	<b>+ 21,0</b>	<b>- 6,2</b>	<b>+ 13,3</b>	<b>+ 43,6</b>	<b>40,1</b>

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

**Nhận xét:**

Lượng mưa lũy tích tuần qua trung bình tại các trạm đo khoảng 81,1 mm, cao hơn TBNN 3,3%, cao hơn năm 2018 là 21,0% và cao thấp hơn 6,2% so với năm 2017. Lượng mưa trong tuần lớn nhất tại trạm Đồng Xoài (134,2 mm) và lượng mưa trong tuần nhỏ nhất tại trạm Trị An (33,8 mm). Cục bộ, tại một số nơi tại tỉnh Bình Phước trong ngày 11/11 có mưa to, như: Trạm Bù Đăng mưa to với vũ lượng 97,4 mm, trạm Bù Đốp mưa to 81,6 mm, trạm Bình Long mưa to 63,2 mm, trạm Lộc Ninh mưa to 66,0 mm, trạm Đồng Xoài mưa to với vũ lượng 133,6 mm và trạm Phước Long mưa to với vũ lượng 89,5 mm.

Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 40,1 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	Dung tích trữ hiện tại (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Xu thế nguồn nước tuần tới	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017	2016		
Hồ Suối Giai	21,3	21,30	100,00	+ 7,6	+ 4,7	0	+ 14,4	Tăng	100,00
Hồ NT6	2,75	2,75	100,00	+ 2,6	+ 2,2	0	+ 4,2	Tăng	100,00
Hồ NT9	1,97	1,97	100,00	+ 3,7	+ 10,7	0	+ 4,2	Tăng	100,00
Hồ NT8	1,3	1,30	100,00	0	+ 4,0	0	0	Tăng	100,00
Hồ NT2 - Đ7	1,74	1,74	100,00	+ 2,0	+ 3,0	+ 0,6	0	Tăng	100,00
Hồ Lộc Quang	5,826	5,83	100,00	+ 13,5	+ 2,6	0	+ 18,2	Tăng	100,00
Hồ Tân Lợi	2,87	2,87	100,00	+ 0,6	+ 9,1	0	+ 1,8	Tăng	100,00
Hồ Suối Ông	0,386	0,39	100,00	+ 1,8	+ 13,5	0	0	Tăng	100,00
Hồ Bầu Úm	1,58	1,58	100,00	+ 0,2	+ 2,6	0	0	Tăng	100,00
Hồ NT 4	2,615	2,62	100,00	+ 4,4	+ 1,4	0	+ 12,7	Tăng	100,00
Đập Thọ Sơn	0,963	0,96	100,00	+ 0,6	+ 1,4	+ 0,3	0	Tăng	100,00
Hồ Đồng Xoài	9,66	9,62	99,61	+ 20,8	0	- 0,3	+ 44,0	Tăng	99,61
Hồ Bù Môn	0,2	0,20	100,00	+ 0,3	+ 33,3	0	+ 1,0	Tăng	100,00
Hồ Sa Cát	1,327	1,33	100,00	+ 2,4	+ 2,1	0	+ 2,1	Tăng	100,00
Hồ An Khương	2,6	2,05	78,81	- 4,0	- 19,6	- 21,2	+ 4,0	Tăng	73,87
Hồ Ông Thoại	1,765	1,77	100,00	+ 2,1	+ 1,4	0	+ 1,4	Tăng	100,00
Hồ Càn Đơn	165,49	132,36	79,98	+ 0,3	- 17,2	- 13,4	+ 35,5	Giảm	84,83
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>224,342<sup>(*)</sup></b>	<b>190,62</b>	<b>84,97</b>	<b>+ 3,5</b>	<b>+ 3,2</b>	<b>- 2,0</b>	<b>+ 8,4</b>		<b>88,49</b>

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; (\*): Giá trị tổng.

### Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 224,342 triệu m<sup>3</sup>. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 14/11/2019 đa số trữ đạt DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 190,62 triệu m<sup>3</sup> (đạt 84,97% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa thấp hơn so với cùng kỳ năm 2017, cao hơn cùng kỳ so với năm 2018, năm 2016 và TBNN.

## II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

### 1. Khả năng cấp nước

#### a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 11 của vụ Mùa năm 2019 của 17 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) là **3,63** triệu m<sup>3</sup>.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa năm 2019				Nhu cầu nước tưới tháng 11 cho vụ Mùa (10 <sup>6</sup> m <sup>3</sup> )
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
<b>Tổng cộng</b>		<b>719</b>	<b>120,00</b>	<b>1.249,0</b>	<b>23</b>	<b>3,63</b>
1	Hồ Suối Giai		120	102	5	0,08
2	Hồ NT6			10		0,01

TT	Tên hồ chứa	Vụ Mùa năm 2019				Nhu cầu nước tưới tháng 11 cho vụ Mùa ( $10^6 m^3$ )
		Diện tích sản xuất vụ Mùa (ha)				
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
3	Hồ NT9			29		0,02
4	Hồ NT8			25		0,02
5	Hồ NT2 - Đ7			42		0,03
6	Hồ Lộc Quang	270		260	7	0,75
7	Hồ Tân Lợi			70		0,15
8	Hồ Suối Ông	10			1	0,02
9	Hồ Bàu Úm	4			2	0,01
10	Hồ NT 4			120		0,10
11	Đập Thọ Sơn			63		0,09
12	Hồ Đồng Xoài			44	6	0,96
13	Hồ Bù Môn		0	0	0	0,10
14	Hồ Sa Cát			20		0,10
15	Hồ An Khương	170		33	2	0,34
16	Hồ Ông Thoại			31		0,15
17	Hồ Cần Đơn			400		0,71

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 11 năm 2019 ( $10^6 m^3$ )
1	Hồ Suối Giai	2,27
2	Hồ NT6	0,36
3	Hồ NT9	0,29
4	Hồ NT8	0,73
5	Hồ NT2 - Đ7	0,15
6	Hồ Lộc Quang	1,11
7	Hồ Tân Lợi	1,26
8	Hồ Suối Ông	0,10
9	Hồ Bàu Úm	0,26
10	Hồ NT 4	0,52
11	Đập Thọ Sơn	0,17
12	Hồ Đồng Xoài	1,63
13	Hồ Bù Môn	3,30
14	Hồ Sa Cát	0,38
15	Hồ An Khương	0,49
16	Hồ Ông Thoại	0,24
17	Hồ Cần Đơn	109,15

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 11 cho vụ Mùa, kết quả dự báo tuần từ ngày 15/11/2019 đến ngày 21/11/2019 như sau:

- 17/17 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%: Hồ Suối Giai, hồ NT6, hồ NT9, hồ NT8, hồ NT2-Đ7, hồ Lộc Quang, hồ Tân Lợi, hồ Suối Ông, hồ Bàu Úm, hồ NT4, đập Thọ Sơn, hồ Đồng Xoài, hồ Sa Cát, hồ An Khương, hồ Ông Thoại, hồ Càn Đơn, hồ Bù Môn.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa năm 2019 từ ngày 15/11/2019 đến 21/11/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Giai	100,00	227	100,00	100	227	Đủ nước
Hồ NT6	100,00	10	100,00	100	10	Đủ nước
Hồ NT9	100,00	29	100,00	100	29	Đủ nước
Hồ NT8	100,00	25	100,00	100	25	Đủ nước
Hồ NT2 - Đ7	100,00	42	100,00	100	42	Đủ nước
Hồ Lộc Quang	100,00	537	100,00	100	537	Đủ nước
Hồ Tân Lợi	100,00	70	100,00	100	70	Đủ nước
Hồ Suối Ông	100,00	11	100,00	100	11	Đủ nước
Hồ Bàu Úm	100,00	6	100,00	100	6	Đủ nước
Hồ NT 4	100,00	120	100,00	100	120	Đủ nước
Đập Thọ Sơn	100,00	63	100,00	100	63	Đủ nước
Hồ Đồng Xoài	99,61	65	99,61	100	65	Đủ nước
Hồ Bù Môn	100,00	50	100,00	100	50	Đủ nước
Hồ Sa Cát	100,00	20	100,00	100	20	Đủ nước
Hồ An Khương	78,81	205	82,34	100	205	Đủ nước
Hồ Ông Thoại	100,00	31	100,00	100	31	Đủ nước
Hồ Càn Đơn	79,98	600	79,89	100	600	Đủ nước
<b>Trung bình/Tổng</b>	<b>84,97</b>	<b>2.111,0<sup>(*)</sup></b>	<b>84,95</b>	<b>100</b>	<b>2.111,0<sup>(*)</sup></b>	

Ghi chú: <sup>(\*)</sup> Giá trị tổng.

## 2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Phước Long	Đăk Nhau – Bù Đăng	2.758,5	+ 116,5	+ 6	- 18	Không hạn
	Đăk Ô – Bù Gia Mập					
	Sơn Giang – Phước Long					
	Long Hà – Phú Riêng					
Đồng Xoài	Đăk Núi – Bù Đốp	3.582,3	+ 112,5	+ 47	+ 14	Không hạn
	Đồng Tâm – Đồng Phú					
<b>Trung bình</b>		<b>3.170,4</b>	<b>+ 114,5</b>	<b>+ 26</b>	<b>- 2</b>	<b>Không hạn</b>

### Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 26,0%, cao hơn 114,5% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Mặt khác, khu vực đang trong mùa mưa, tuần qua phổ biến mưa nhỏ đến mưa vừa, mưa sẽ bổ sung thêm lượng nước cho sản xuất nông nghiệp khu vực ngoài khu tưới công trình thủy lợi. Như vậy, không xảy ra hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất.

### **3. Tổng hợp thông tin hạn hán**

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
2.111	719	1.392					

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 21/11/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 190,57 triệu m<sup>3</sup> (chiếm 84,95% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 17/17 hồ chứa trên lưu vực sông Bé (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi này đến ngày 21/11/2019 không thay đổi.

Tuy nhiên, cần đề phòng tình trạng ngập lụt nếu có mưa lớn xảy ra, khi hồ chứa thượng lưu xả lũ... (Điển hình như khu vực ven Suối Rạt thuộc TP Đồng Xoài và huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước).

Mặt khác, khu vực đang trong mùa mưa lũ, để bảo đảm cấp nước cho sản xuất nông nghiệp vụ Mùa 2019 và ứng phó với diễn biến thiên tai có thể xảy ra, kiến nghị một số nội dung sau: **(1)** Tăng cường nguồn lực thực hiện các giải pháp phòng, chống, ngập lụt, úng, đảm bảo cấp nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh; **(2)** Tăng cường công tác tuyên truyền, thường xuyên thông báo tình hình thời tiết, nguồn nước để điều chỉnh kế hoạch sản xuất phù hợp; **(3)** Khẩn trương kiểm tra, sửa chữa công trình đảm bảo sẵn sàng phục vụ trong mọi tình huống trong mùa mưa lũ.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 17 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Bé (vùng Đông Nam Bộ), các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản

xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 22/11/2019 (tuần sau)/.

***Nơi nhận:***

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Lãnh đạo các sở NN&PTNT, CCTL, Cty KTCTTL 06 tỉnh vùng ĐNB;
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu P. QHTL ĐNB và phụ cận.

**VIỆN TRƯỞNG**